# Chương 1: Tổng Quan

## I. Giới thiệu chung

Shopee là một trong những nền tảng thương mại điện tử hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á và Đài Loan, thuộc sở hữu của Sea Group, một tập đoàn công nghệ và giải trí đa quốc gia có trụ sở tại Singapore. Shopee ra mắt vào năm 2015 và nhanh chóng trở thành một trong những Trang web mua sắm trực tuyến phổ biến nhất tại các thị trường mà nó phục vụ.

## II. Các chức năng chính

1. Mua sắm trực tuyến: Cung cấp hàng triệu sản phẩm từ các nhà bán hàng đa dạng.
2. Flash Sale và mã giảm giá: Các chương trình khuyến mãi, giảm giá hấp dẫn và liên tục.
3. Shopee Xu: Hệ thống tích điểm giúp người dùng tiết kiệm chi phí mua sắm.
4. Shopee Live: Chức năng livestream bán hàng, giúp người bán tương tác trực tiếp với khách hàng.
5. Thanh toán và vận chuyển: Đa dạng phương thức thanh toán và đối tác vận chuyển.
6. Dịch vụ khách hàng: Hỗ trợ người dùng qua các kênh trực tuyến và trung tâm trợ giúp.

## III. Mục tiêu đề tài

1. Mục tiêu chính là phát hiện các lỗi, khiếm khuyết và các vấn đề trong phần mềm để có thể sửa chữa trước khi sản phẩm được phát hành
2. Đảm bảo chất lượng không chỉ dừng lại ở việc tìm lỗi mà còn đảm bảo rằng toàn bộ quy trình phát triển phần mềm tuân thủ các tiêu chuẩn và phương pháp tốt nhất.
3. Đảm bảo rằng phần mềm thân thiện với người dùng, dễ sử dụng và đáp ứng các yêu cầu của người dùng cuối.
4. Xác minh rằng phần mềm thực hiện đúng các chức năng đã được yêu cầu (xác minh) và đáp ứng được các nhu cầu thực tế của người dùng (xác nhận).
5. Đảm bảo rằng phần mềm hoạt động ổn định, đáng tin cậy và có hiệu suất cao trong các điều kiện sử dụng khác nhau.

# Chương 2: Sơ đồ chức năng

## I. Biểu đổ Use Case tổng quan

A diagram of a diagram

Description automatically generated

## II. Đặc tả Use Case chức năng

### 1.Đăng ký

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Đăng ký tài khoản |
| Mô tả: | Khách hàng đăng ký một tài khoản mới trên Shopee bằng cách cung cấp các thông tin cá nhân cần thiết và xác nhận thông tin qua email hoặc số điện thoại. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng chưa có tài khoản trên Shopee.  Khách hàng có email hoặc số điện thoại hợp lệ. |
| Hậu điều kiện: | Khách hàng có tài khoản mới và có thể sử dụng để đăng nhập vào Shopee. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng chọn tùy chọn "Đăng ký" trên giao diện Shopee. 2. Hệ thống hiển thị biểu mẫu đăng ký tài khoản yêu cầu khách hàng nhập các thông tin sau:  * Tên đầy đủ * Email hoặc số điện thoại * Mật khẩu * Xác nhận mật khẩu  1. Khách hàng nhập các thông tin yêu cầu và nhấn nút "Đăng ký". 2. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin:   Kiểm tra định dạng email hoặc số điện thoại  Kiểm tra độ mạnh của mật khẩu  Đảm bảo rằng mật khẩu và xác nhận mật khẩu khớp nhau   1. Hệ thống gửi mã xác nhận (qua email hoặc SMS) đến email hoặc số điện thoại của khách hàng. 2. Khách hàng nhập mã xác nhận vào hệ thống. 3. Hệ thống xác thực mã xác nhận:  * Nếu mã xác nhận hợp lệ, hệ thống tạo tài khoản mới cho khách hàng và hiển thị thông báo đăng ký thành công. * Nếu mã xác nhận không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu khách hàng nhập lại mã xác nhận. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Thông tin nhập không hợp lệ   * Nếu thông tin nhập không hợp lệ (email/số điện thoại không đúng định dạng, mật khẩu yếu, mật khẩu và xác nhận mật khẩu không khớp), hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi tương ứng và yêu cầu khách hàng nhập lại thông tin.   Luồng phụ 2: Gửi lại mã xác nhận   * Nếu khách hàng không nhận được mã xác nhận hoặc mã xác nhận đã hết hạn, khách hàng có thể yêu cầu gửi lại mã xác nhận. Hệ thống sẽ gửi lại mã xác nhận mới. |

### 2.Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Đăng nhập tài khoản |
| Mô tả: | Khách hàng sử dụng thông tin tài khoản đã đăng ký để đăng nhập vào hệ thống Shopee. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã có tài khoản hợp lệ trên Shopee.  Khách hàng có thông tin đăng nhập bao gồm email/số điện thoại và mật khẩu hợp lệ. |
| Hậu điều kiện: | Khách hàng được xác thực và đăng nhập thành công vào hệ thống Shopee. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng chọn tùy chọn "Đăng nhập" trên giao diện Shopee. 2. Hệ thống hiển thị biểu mẫu đăng nhập yêu cầu khách hàng nhập:  * Email hoặc số điện thoại * Mật khẩu  1. Khách hàng nhập thông tin đăng nhập và nhấn nút "Đăng nhập". 2. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập:   Xác minh email/số điện thoại có tồn tại trong cơ sở dữ liệu không.  Kiểm tra mật khẩu có khớp với thông tin lưu trữ không.   1. Hệ thống phản hồi:   Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ đăng nhập khách hàng vào tài khoản và chuyển hướng đến trang chủ hoặc trang cá nhân của khách hàng.  Nếu thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu khách hàng nhập lại thông tin. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Quên mật khẩu   1. Khách hàng chọn tùy chọn "Quên mật khẩu". 2. Hệ thống yêu cầu khách hàng nhập email hoặc số điện thoại đã đăng ký. 3. Hệ thống gửi liên kết hoặc mã xác nhận để đặt lại mật khẩu qua email hoặc SMS. 4. Khách hàng nhập mã xác nhận và đặt lại mật khẩu mới. 5. Hệ thống cập nhật mật khẩu mới và khách hàng có thể đăng nhập lại bằng mật khẩu mới.   Luồng phụ 2: Thông tin đăng nhập không hợp lệ  Nếu email/số điện thoại không tồn tại hoặc mật khẩu không khớp, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi cụ thể như "Email hoặc số điện thoại không tồn tại" hoặc "Mật khẩu không đúng" và yêu cầu khách hàng nhập lại thông tin. |

### 3. Tìm kiếm sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Tìm kiếm sản phẩm |
| Mô tả: | Khách hàng sử dụng chức năng tìm kiếm để tìm các sản phẩm mong muốn trên Shopee. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã truy cập vào trang web Shopee. |
| Hậu điều kiện: | Khách hàng thấy danh sách các sản phẩm phù hợp với từ khóa hoặc tiêu chí tìm kiếm đã nhập. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng nhập từ khóa hoặc cụm từ tìm kiếm vào thanh tìm kiếm trên giao diện Shopee. 2. Hệ thống nhận và xử lý từ khóa tìm kiếm. 3. Hệ thống truy xuất cơ sở dữ liệu và tìm các sản phẩm phù hợp với từ khóa tìm kiếm. 4. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm phù hợp, bao gồm thông tin cơ bản như tên sản phẩm, hình ảnh, giá cả và đánh giá. 5. Khách hàng có thể:  * Xem danh sách sản phẩm * Sử dụng các bộ lọc để thu hẹp kết quả tìm kiếm (ví dụ: giá, thương hiệu, đánh giá, v.v.) * Sắp xếp kết quả tìm kiếm theo các tiêu chí khác nhau (ví dụ: giá tăng dần, giá giảm dần, độ phổ biến, v.v.) |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Sử dụng bộ lọc tìm kiếm   1. Khách hàng chọn các tiêu chí bộ lọc (ví dụ: khoảng giá, danh mục, thương hiệu, đánh giá, v.v.) 2. Hệ thống cập nhật và hiển thị lại danh sách sản phẩm dựa trên các tiêu chí bộ lọc đã chọn.   Luồng phụ 2: Sắp xếp kết quả tìm kiếm   1. Khách hàng chọn tiêu chí sắp xếp (ví dụ: giá tăng dần, giá giảm dần, mới nhất, độ phổ biến, v.v.) 2. Hệ thống sắp xếp lại danh sách sản phẩm theo tiêu chí đã chọn và hiển thị lại kết quả.   Luồng phụ 3: Không tìm thấy sản phẩm phù hợp   1. Hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy sản phẩm phù hợp với từ khóa tìm kiếm của bạn". 2. Khách hàng có thể thử lại với từ khóa khác hoặc thay đổi các tiêu chí tìm kiếm. |

### 4. Xem thông tin sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Xem thông tin sản phẩm |
| Mô tả: | Khách hàng có thể xem thông tin chi tiết của một sản phẩm bao gồm tên sản phẩm, giá, mô tả, hình ảnh, đánh giá từ người dùng khác, thông tin về nhà bán hàng và các tùy chọn mua hàng. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã truy cập vào trang web hoặc ứng dụng Shopee.  Sản phẩm tồn tại trong cơ sở dữ liệu của Shopee.  Khách hàng đã tìm kiếm và có danh sách sản phẩm hiển thị. |
| Hậu điều kiện: | Khách hàng có thể xem thông tin chi tiết của sản phẩm đã chọn.  Khách hàng có thể thực hiện các hành động liên quan như phóng to hình ảnh sản phẩm, xem đánh giá, xem thông tin nhà bán hàng và thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng chọn một sản phẩm từ danh sách sản phẩm hiển thị. 2. Hệ thống điều hướng khách hàng đến trang chi tiết sản phẩm. 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm bao gồm:  * Tên sản phẩm * Giá * Mô tả sản phẩm * Hình ảnh sản phẩm * Đánh giá từ người dùng khác * Thông tin về nhà bán hàng * Các tùy chọn mua hàng (ví dụ: kích thước, màu sắc)  1. Khách hàng xem các thông tin chi tiết về sản phẩm. 2. Khách hàng có thể thực hiện các hành động bổ sung như:  * Phóng to hình ảnh sản phẩm * Xem đánh giá chi tiết từ người dùng khác * Xem thông tin chi tiết về nhà bán hàng * Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Phóng to hình ảnh sản phẩm   * Khách hàng nhấn vào hình ảnh sản phẩm. * Hệ thống hiển thị hình ảnh sản phẩm với kích thước lớn hơn.   Luồng phụ 2: Xem đánh giá từ người dùng khác   * Khách hàng cuộn xuống phần đánh giá của người dùng. * Hệ thống hiển thị các đánh giá chi tiết từ người dùng khác về sản phẩm.   Luồng phụ 3: Xem thông tin chi tiết về nhà bán hàng   * Khách hàng nhấn vào tên nhà bán hàng. * Hệ thống điều hướng đến trang thông tin chi tiết của nhà bán hàng bao gồm đánh giá về nhà bán hàng, các sản phẩm khác của nhà bán hàng.   Luồng phụ 4: Thêm sản phẩm vào giỏ hàng   * Khách hàng nhấn vào nút "Thêm vào giỏ hàng". * Hệ thống thêm sản phẩm vào giỏ hàng của khách hàng và hiển thị thông báo xác nhận. |

### 5. Giỏ hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Quản lý Giỏ hàng |
| Mô tả: | Use case này mô tả quá trình quản lý giỏ hàng trên nền tảng Shopee, cho phép người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng, chỉnh sửa số lượng sản phẩm, xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng và tiến hành thanh toán. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản Shopee và đã truy cập vào trang chi tiết sản phẩm.Khách hàng đã tìm kiếm và xem thông tin chi tiết của sản phẩm. |
| Hậu điều kiện: | Giỏ hàng của người dùng được cập nhật với các thay đổi (thêm, chỉnh sửa hoặc xóa sản phẩm). |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng:  * Người dùng chọn sản phẩm muốn mua. * Người dùng nhấn vào nút "Thêm vào giỏ hàng". * Hệ thống kiểm tra số lượng sản phẩm còn hàng và cập nhật giỏ hàng của người dùng.  1. Chỉnh sửa số lượng sản phẩm trong giỏ hàng:  * Người dùng truy cập vào trang giỏ hàng. * Người dùng điều chỉnh số lượng sản phẩm cho mỗi mặt hàng trong giỏ hàng. * Hệ thống cập nhật giỏ hàng với số lượng sản phẩm mới.  1. Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng:  * Người dùng truy cập vào trang giỏ hàng. * Người dùng chọn sản phẩm muốn xóa khỏi giỏ hàng. * Người dùng nhấn vào nút "Xóa" hoặc "Bỏ" sản phẩm. * Hệ thống cập nhật giỏ hàng sau khi xóa sản phẩm.  1. Thanh toán giỏ hàng:  * Người dùng truy cập vào trang giỏ hàng. * Người dùng nhấn vào nút "Thanh toán". * Hệ thống chuyển người dùng đến trang thanh toán để hoàn tất quá trình mua hàng. |
| Luồng sự kiện phụ: | * Xem lại giỏ hàng: Người dùng muốn xem lại giỏ hàng trước khi tiến hành thanh toán. * Tiếp tục mua sắm: Người dùng muốn tiếp tục mua sắm và quay lại trang chi tiết sản phẩm hoặc tìm kiếm sản phẩm khác. |

### 6. Thanh toán đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Thanh toán đơn hàng |
| Mô tả: | Khách hàng có thể tiến hành thanh toán cho các sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng trên Shopee. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã đăng nhập vào tài khoản Shopee.  Khách hàng đã thêm ít nhất một sản phẩm vào giỏ hàng. |
| Hậu điều kiện | Đơn hàng của khách hàng được thanh toán thành công.  Hệ thống ghi nhận thông tin đơn hàng và gửi thông báo xác nhận đơn hàng cho khách hàng. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng truy cập vào giỏ hàng và xem các sản phẩm đã thêm. 2. Khách hàng nhấn vào nút "Thanh toán" trong giỏ hàng. 3. Hệ thống hiển thị trang thanh toán, bao gồm:  * Thông tin sản phẩm và tổng giá trị đơn hàng. * Địa chỉ giao hàng. * Phương thức thanh toán. * Thông tin khuyến mãi (nếu có).  1. Khách hàng xác nhận hoặc nhập thông tin địa chỉ giao hàng. 2. Khách hàng chọn phương thức thanh toán (ví dụ: thẻ tín dụng, chuyển khoản ngân hàng, ví điện tử, COD). 3. Khách hàng kiểm tra và xác nhận lại thông tin đơn hàng. 4. Khách hàng nhấn vào nút "Đặt hàng" để hoàn tất thanh toán. 5. Hệ thống xử lý thanh toán thông qua phương thức thanh toán đã chọn. 6. Hệ thống xác nhận thanh toán thành công và tạo đơn hàng. 7. Hệ thống gửi thông báo xác nhận đơn hàng qua email hoặc SMS cho khách hàng. 8. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn hàng trong tài khoản của khách hàng. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Thay đổi địa chỉ giao hàng   1. Khách hàng nhấn vào tùy chọn thay đổi địa chỉ giao hàng. 2. Hệ thống hiển thị biểu mẫu cho khách hàng nhập địa chỉ mới. 3. Khách hàng nhập địa chỉ mới và nhấn nút "Lưu". 4. Hệ thống cập nhật địa chỉ giao hàng mới và hiển thị lại thông tin trên trang thanh toán.   Luồng phụ 2: Sử dụng mã khuyến mãi   1. Khách hàng nhập mã khuyến mãi vào ô mã khuyến mãi. 2. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã khuyến mãi. 3. Nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật lại tổng giá trị đơn hàng với khuyến mãi áp dụng. 4. Nếu không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu khách hàng nhập lại mã khuyến mãi.   Luồng phụ 3: Thanh toán thất bại   1. Hệ thống xử lý thanh toán nhưng gặp lỗi (ví dụ: thẻ tín dụng không đủ tiền, kết nối ngân hàng bị gián đoạn). 2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi thanh toán cho khách hàng. 3. Khách hàng chọn phương thức thanh toán khác hoặc thử lại thanh toán. 4. Hệ thống xử lý lại thanh toán theo phương thức mới (nếu có). |

### 7. Theo dõi đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Theo dõi đơn hàng |
| Mô tả: | Khách hàng có thể theo dõi trạng thái và chi tiết của đơn hàng mà họ đã đặt trên Shopee. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã đăng nhập vào tài khoản Shopee.  Khách hàng đã đặt ít nhất một đơn hàng trước đó. |
| Hậu điều kiện: | Khách hàng có thể xem trạng thái hiện tại và chi tiết của đơn hàng.  Khách hàng có thể liên hệ hỗ trợ nếu cần thiết. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng truy cập vào ứng dụng Shopee hoặc trang web Shopee. 2. Khách hàng đăng nhập vào tài khoản Shopee. 3. Khách hàng truy cập vào mục "Tài khoản" hoặc biểu tượng người dùng. 4. Khách hàng chọn tùy chọn "Đơn hàng của tôi" hoặc "Đơn hàng". 5. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng của khách hàng. 6. Khách hàng chọn một đơn hàng cụ thể để theo dõi. 7. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin đơn hàng, bao gồm trạng thái hiện tại của đơn hàng. 8. Khách hàng xem thông tin chi tiết và trạng thái đơn hàng. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Kiểm tra lịch sử trạng thái đơn hàng   * Khách hàng chọn tùy chọn xem lịch sử trạng thái đơn hàng. * Hệ thống hiển thị lịch sử các trạng thái đơn hàng từ khi đặt đến hiện tại.   Luồng phụ 2: Kiểm tra chi tiết từng sản phẩm trong đơn hàng   * Khách hàng nhấn vào từng sản phẩm trong đơn hàng. * Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của từng sản phẩm.   Luồng phụ 3: Liên hệ hỗ trợ khách hàng về đơn hàng   * Khách hàng nhấn vào nút "Liên hệ hỗ trợ". * Hệ thống điều hướng đến trang liên hệ hỗ trợ hoặc hiển thị thông tin liên hệ hỗ trợ. |

### 8. Đánh giá sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Đánh giá sản phẩm |
| Mô tả: | Use case này mô tả quá trình người dùng đánh giá sản phẩm đã mua trên Shopee, bao gồm việc viết nhận xét, đánh giá bằng sao và đính kèm hình ảnh hoặc video minh họa. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản Shopee.  Người dùng đã mua và nhận được sản phẩm.  Sản phẩm đã được chuyển trạng thái sang "Đã giao hàng" hoặc "Hoàn tất". |
| Hậu điều kiện: | Đánh giá của người dùng được lưu trữ và hiển thị trên trang sản phẩm. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Truy cập trang đánh giá sản phẩm:   Người dùng đăng nhập vào tài khoản Shopee.  Người dùng truy cập vào mục "Đơn hàng của tôi".  Người dùng chọn đơn hàng có sản phẩm muốn đánh giá và nhấp vào nút "Đánh giá".   1. Viết nhận xét và đánh giá sản phẩm:   Người dùng chọn số lượng sao để đánh giá sản phẩm (từ 1 đến 5 sao).  Người dùng viết nhận xét chi tiết về sản phẩm trong ô nhận xét.  (Tuỳ chọn) Người dùng đính kèm hình ảnh hoặc video minh họa về sản phẩm.   1. Gửi đánh giá:   Người dùng nhấn vào nút "Gửi" để gửi đánh giá.  Hệ thống lưu trữ đánh giá và hiển thị trên trang chi tiết sản phẩm. |
| Luồng sự kiện phụ: | • Hủy bỏ đánh giá:   * Người dùng quyết định không muốn tiếp tục viết đánh giá và nhấn vào nút "Hủy". * Hệ thống không lưu trữ bất kỳ thông tin nào từ đánh giá chưa hoàn tất.   • Chỉnh sửa đánh giá:   * Người dùng muốn chỉnh sửa đánh giá đã gửi. * Người dùng truy cập vào mục "Đánh giá của tôi" và chọn đánh giá muốn chỉnh sửa. * Người dùng chỉnh sửa nội dung đánh giá và nhấn vào nút "Cập nhật". |

### 9. Sử dụng mã giảm giá

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Sử dụng mã giảm giá |
| Mô tả: | Khách hàng có thể sử dụng mã giảm giá để được giảm giá khi thanh toán đơn hàng trên Shopee. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã đăng nhập vào tài khoản Shopee.  Khách hàng đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng.  Khách hàng có mã giảm giá hợp lệ. |
| Hậu điều kiện: | Mã giảm giá được áp dụng thành công vào đơn hàng của khách hàng.  Tổng giá trị đơn hàng được giảm theo đúng giá trị của mã giảm giá. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng truy cập vào ứng dụng Shopee hoặc trang web Shopee. 2. Khách hàng đăng nhập vào tài khoản Shopee. 3. Khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng. 4. Khách hàng truy cập vào giỏ hàng và nhấn vào nút "Thanh toán". 5. Hệ thống hiển thị trang thanh toán, bao gồm thông tin sản phẩm, tổng giá trị đơn hàng, và ô nhập mã giảm giá. 6. Khách hàng nhập mã giảm giá vào ô mã giảm giá. 7. Khách hàng nhấn vào nút "Áp dụng mã giảm giá". 8. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã giảm giá. 9. Nếu mã giảm giá hợp lệ:  * Hệ thống áp dụng mã giảm giá và cập nhật tổng giá trị đơn hàng. * Hệ thống hiển thị tổng giá trị đơn hàng sau khi đã áp dụng mã giảm giá.  1. Khách hàng kiểm tra lại thông tin đơn hàng và nhấn vào nút "Đặt hàng" để hoàn tất thanh toán. 2. Hệ thống xử lý thanh toán và xác nhận đơn hàng. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Mã giảm giá không hợp lệ   1. Khách hàng nhập mã giảm giá không hợp lệ hoặc hết hạn. 2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu khách hàng nhập lại mã giảm giá.   Luồng phụ 2: Mã giảm giá đã được sử dụng   1. Khách hàng nhập mã giảm giá đã được sử dụng trước đó. 2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu khách hàng nhập mã giảm giá khác.   Luồng phụ 3: Kiểm tra điều kiện áp dụng mã giảm giá   1. Khách hàng nhập mã giảm giá nhưng không đáp ứng điều kiện áp dụng (ví dụ: giá trị đơn hàng tối thiểu, sản phẩm áp dụng). 2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và chi tiết lý do mã giảm giá không thể áp dụng. |

### 10. Quản lý thông tin cá nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Quản lý thông tin cá nhân |
| Mô tả: | Khách hàng có thể quản lý thông tin cá nhân của mình trên Shopee, bao gồm cập nhật thông tin cá nhân, đổi mật khẩu, quản lý địa chỉ giao hàng và thanh toán. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Khách hàng đã đăng nhập vào tài khoản Shopee. |
| Hậu điều kiện: | Thông tin cá nhân của khách hàng được cập nhật thành công trong hệ thống Shopee. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Khách hàng truy cập vào ứng dụng Shopee hoặc trang web Shopee. 2. Khách hàng đăng nhập vào tài khoản Shopee. 3. Khách hàng chọn tùy chọn "Tài khoản" hoặc biểu tượng người dùng để truy cập vào trang quản lý thông tin cá nhân. 4. Hệ thống hiển thị các tùy chọn quản lý thông tin cá nhân, bao gồm:  * Thông tin cá nhân: Tên, email, số điện thoại, ngày sinh, v.v. * Địa chỉ giao hàng: Địa chỉ nhận hàng và địa chỉ thanh toán. * Mật khẩu: Tùy chọn đổi mật khẩu.  1. Khách hàng chọn mục cần cập nhật thông tin và thực hiện các thay đổi cần thiết. 2. Khách hàng nhấn vào nút "Lưu" hoặc "Cập nhật" để lưu lại các thay đổi. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Đổi mật khẩu   1. Khách hàng chọn tùy chọn "Mật khẩu". 2. Hệ thống mở giao diện đổi mật khẩu. 3. Khách hàng nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mới. 4. Khách hàng xác nhận mật khẩu mới và nhấn nút "Đổi mật khẩu".   Luồng phụ 2: Quản lý địa chỉ giao hàng và thanh toán   1. Khách hàng chọn tùy chọn "Địa chỉ giao hàng" hoặc "Địa chỉ thanh toán". 2. Hệ thống hiển thị danh sách các địa chỉ đã lưu. 3. Khách hàng thực hiện các thao tác như thêm, sửa, xoá địa chỉ theo nhu cầu. 4. Khách hàng nhấn vào nút "Lưu" hoặc "Cập nhật" để lưu lại các thay đổi. |

### 11. Danh mục

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case: | Duyệt danh mục sản phẩm |
| Mô tả: | Người dùng có thể duyệt qua các danh mục sản phẩm khác nhau trên Shopee để tìm sản phẩm theo loại mặt hàng, thương hiệu, hoặc bất kỳ tiêu chí nào mà danh mục cung cấp. |
| Actor: | Khách hàng |
| Tiền điều kiện: | Người dùng đã truy cập vào trang Shopee |
| Hậu điều kiện: | Người dùng có thể xem danh sách các sản phẩm trong danh mục đã chọn và có thể tiếp tục thao tác như xem chi tiết sản phẩm, thêm vào giỏ hàng, hoặc mua ngay. |
| Luồng sự kiện chính: | 1. Người dùng truy cập vào ứng dụng Shopee hoặc trang web Shopee. 2. Người dùng chọn tùy chọn "Danh mục" từ thanh menu hoặc biểu tượng danh mục. 3. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục sản phẩm có sẵn (ví dụ: Thời trang, Điện tử, Gia dụng, Mỹ phẩm, v.v.). 4. Người dùng nhấp vào một danh mục cụ thể mà họ quan tâm. 5. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm thuộc danh mục đã chọn. 6. Người dùng có thể duyệt qua danh sách sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, sử dụng bộ lọc để thu hẹp tìm kiếm (theo giá, thương hiệu, đánh giá, v.v.). 7. Người dùng có thể chọn một sản phẩm để xem thông tin chi tiết hoặc thực hiện các thao tác khác như thêm vào giỏ hàng hoặc mua ngay. |
| Luồng sự kiện phụ: | Luồng phụ 1: Sử dụng bộ lọc sản phẩm   1. Người dùng nhấp vào tùy chọn "Bộ lọc" hoặc "Lọc" trên trang danh sách sản phẩm. 2. Hệ thống hiển thị các tùy chọn lọc (giá, thương hiệu, đánh giá, màu sắc, kích thước, v.v.). 3. Người dùng chọn các tiêu chí lọc mong muốn. 4. Hệ thống cập nhật danh sách sản phẩm theo các tiêu chí lọc đã chọn.   Luồng phụ 2: Tìm kiếm sản phẩm trong danh mục   1. Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm vào ô tìm kiếm trong trang danh mục. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm liên quan đến từ khóa tìm kiếm trong phạm vi danh mục. |